

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LOGISTICS VICEM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	09 - 25

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 05 năm 2021)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

Số: 09/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 07 năm 2021 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021*

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>321.852.943.141</b>	<b>310.735.715.648</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>33.275.349.413</b>	<b>20.389.483.860</b>
1. Tiền	111	4.1	33.275.349.413	20.389.483.860
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>151.908.209.798</b>	<b>125.013.421.556</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.641.759.270)	(2.069.495.270)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		134.559.089.798	106.092.037.556
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>134.575.065.091</b>	<b>163.770.002.009</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	128.200.691.613	158.610.389.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.941.415.700	2.067.952.989
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.210.170.874	4.728.805.081
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.777.213.096)	(1.637.145.864)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.094.318.839</b>	<b>1.421.956.454</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	2.094.318.839	1.421.956.454
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>140.851.769</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	140.851.769
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.302.420.790</b>	<b>105.466.487.515</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.302.420.790</b>	<b>92.466.487.515</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	81.302.420.790	92.466.487.515
Nguyên giá	222		263.421.077.382	263.421.077.382
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.118.656.592)	(170.954.589.867)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.000.000.000	13.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>416.155.363.931</b>	<b>416.202.203.163</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94.365.154.374</b>	<b>80.217.856.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94.365.154.374</b>	<b>80.217.856.246</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	46.762.357.394	60.656.729.319
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		642.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.673.788.947	1.406.861.526
4. Phải trả người lao động	314	4.11	10.606.622.025	12.513.368.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	6.505.272.094	1.936.647.018
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	13.815.643.589	802.256.153
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	4.937.195.399	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	9.422.274.926	2.901.993.726
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>321.790.209.557</b>	<b>335.984.346.917</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>321.790.209.557</b>	<b>335.984.346.917</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	124.017.503.555
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.434.380.640	27.856.060.030
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.103.018.000	2.103.018.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.331.362.640	25.753.042.030
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>416.155.363.931</b>	<b>416.202.203.163</b>



**Đỗ Văn Huan**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

**Trần Thị Lý**  
Kế toán trưởng

**Võ Thị Ngọc Diễm**  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.18	150.338.317.985	136.239.401.975
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150.338.317.985	136.239.401.975
3. Giá vốn hàng bán	11	4.19	133.541.984.373	115.666.236.064
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.796.333.612	20.573.165.911
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	3.611.101.892	3.686.273.787
6. Chi phí tài chính	22	4.21	1.572.264.688	109.096
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	8.407.007.001	7.764.984.179
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.428.163.815	16.494.346.423
8. Thu nhập khác	31		42.972.201	29.958.433
9. Chi phí khác	32		16.432.716	340.376.877
10. Lợi nhuận khác	40		26.539.485	(310.418.444)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.454.703.300	16.183.927.979
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	2.123.340.660	3.264.385.596
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.331.362.640	12.919.542.383



**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

**Trần Thị Lý**  
**Kế toán trưởng**

**Võ Thị Ngọc Diễm**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.454.703.300	16.183.927.979
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.23	11.164.066.725	11.112.935.425
Các khoản dự phòng	03		6.649.526.631	3.570.438.015
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.21	-	3.425
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.20	(3.611.101.892)	(3.686.273.787)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.657.194.764	27.181.031.057
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.669.457.372	12.916.978.823
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(672.362.385)	(2.219.598.894)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.320.056.242)	(10.378.608.441)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.217.462.889)	(2.818.626.326)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.901.218.800)	(3.198.332.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.215.551.820	21.482.844.119
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(47.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(97.754.350.873)	(84.862.601.594)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		69.287.298.631	66.725.276.315
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.137.365.975	3.180.724.410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.329.686.267)	(15.003.600.869)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50		12.885.865.553	6.479.243.250
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.389.483.860	13.032.348.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(3.425)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	70	4.1	33.275.349.413	19.511.588.059



Đỗ Văn Huân  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2020 để đổi tên công ty (tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên) và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
<b>Cộng</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 296, Đường Trần Nảo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 239 (31 tháng 12 năm 2020 là: 241).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	65,00%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2020.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	237.961.827	262.023.738
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.037.387.586	20.127.460.122
<b>Cộng</b>	<b>33.275.349.413</b>	<b>20.389.483.860</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.25	73.851.597.536	102.070.463.380
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	25.903.578.452	26.737.794.884
Các khách hàng khác	28.445.515.625	29.802.131.539
<b>Cộng</b>	<b><u>128.200.691.613</u></b>	<b><u>158.610.389.803</u></b>

Tại ngày 30/06/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	389.355.989
Trả trước cho người bán:		
Ông Đỗ Khôi Nguyên	594.240.000	418.000.000
Ông Nguyễn Văn Hình	360.855.000	328.050.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Seven Seas	273.000.000	460.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	223.977.000	223.977.000
Các nhà cung cấp khác	489.343.700	248.570.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.941.415.700</u></b>	<b><u>2.067.952.989</u></b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ các bên liên quan - Xem thêm mục 4.25	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Lãi dự thu	3.091.903.619	-	2.618.167.702	-
Phải thu từ bồi thường	2.001.991.654	-	1.096.384.803	-
Tạm ứng cho nhân viên	647.357.585	-	-	-
Phải thu khác	18.918.016	-	564.252.576	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.210.170.874</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.728.805.081</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.248.053.682	470.840.585	1.793.560.733	156.414.869
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	979.302.000	-
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	459.522.890	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	57.135.655	190.452.185	57.135.655
Công ty TNHH Sơn Hạ Long	30.000.000	9.000.000	30.000.000	9.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác Quốc tế	18.596.737	5.579.021	18.596.737	9.298.368
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	570.179.870	399.125.909	-	-
Các khách hàng khác	-	-	115.686.921	80.980.846
<b>Cộng</b>	<b>2.248.053.682</b>	<b>470.840.585</b>	<b>1.793.560.733</b>	<b>156.414.869</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.740.521.757	-	753.376.472	-
Công cụ, dụng cụ	168.718.738	-	140.088.738	-
Hàng gửi bán	185.078.344	-	528.491.244	-
<b>Cộng</b>	<b>2.094.318.839</b>	<b>-</b>	<b>1.421.956.454</b>	<b>-</b>

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	2.203.932.585	255.660.226.380	5.556.918.417	263.421.077.382
Tại ngày 30/06/2021	<b>2.203.932.585</b>	<b>255.660.226.380</b>	<b>5.556.918.417</b>	<b>263.421.077.382</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	2.112.596.988	166.639.168.094	2.202.824.785	170.954.589.867
Khấu hao trong kỳ	30.445.194	10.786.081.476	347.540.055	11.164.066.725
Tại ngày 30/06/2021	<b>2.143.042.182</b>	<b>177.425.249.570</b>	<b>2.550.364.840</b>	<b>182.118.656.592</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	91.335.597	89.021.058.286	3.354.093.632	92.466.487.515
Tại ngày 30/06/2021	<b>60.890.403</b>	<b>78.234.976.810</b>	<b>3.006.553.577</b>	<b>81.302.420.790</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 59.118.867.416 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.25	993.062.383	993.062.383	721.387.097	721.387.097
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	20.936.551.004	20.936.551.004	29.646.720.068	29.646.720.068
Công ty TNHH Vận tải Hán Tiến	5.328.930.970	5.328.930.970	7.310.277.704	7.310.277.704
Phải trả cho các đối tượng khác	19.503.813.037	19.503.813.037	22.978.344.450	22.978.344.450
<b>Cộng</b>	<b>46.762.357.394</b>	<b>46.762.357.394</b>	<b>60.656.729.319</b>	<b>60.656.729.319</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	535.902.294	5.255.191.878	4.719.289.584	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.123.340.660	2.123.340.660	2.217.462.889	1.217.462.889	1.217.462.889	1.217.462.889
Thuế thu nhập cá nhân	14.545.993	732.873.705	907.726.349	189.398.637	189.398.637	189.398.637
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	500.427.040	500.427.040	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.673.788.947</b>	<b>8.614.833.283</b>	<b>8.347.905.862</b>	<b>1.406.861.526</b>	<b>1.406.861.526</b>	<b>1.406.861.526</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2021.

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	6.310.272.094	1.739.647.018
Các khoản chi phí phải trả khác	195.000.000	197.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.505.272.094</b>	<b>1.936.647.018</b>

**4.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.25	6.562.483.200	-
Phải trả cho các đối tượng khác:		
Cổ tức phải trả	6.545.206.505	3.689.705
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	161.953.884	252.566.448
<b>Cộng</b>	<b>13.815.643.589</b>	<b>802.256.153</b>

**4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là khoản trích chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại ngày 30/06/2021.

**4.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	2.901.993.726	1.914.972.594
Trích lập trong kỳ	9.421.500.000	8.493.330.000
Sử dụng trong kỳ	(2.901.218.800)	(3.198.332.100)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.422.274.926</b>	<b>7.209.970.494</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
		Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	120.157.473.979	30.181.177.576	334.449.434.887
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	12.919.542.383	12.919.542.383
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.860.029.576	(3.860.029.576)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.493.330.000)	(8.493.330.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Tại ngày 30/06/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	124.017.503.555	15.022.560.383	323.150.847.270
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	12.833.499.647	12.833.499.647
Tại ngày 01/01/2021	131.040.000.000	53.070.783.332	124.017.503.555	27.856.060.030	335.984.346.917
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	8.331.362.640	8.331.362.640
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.227.542.030	(3.227.542.030)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.421.500.000)	(9.421.500.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.104.000.000)	(13.104.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>53.070.783.332</b>	<b>127.245.045.585</b>	<b>10.434.380.640</b>	<b>321.790.209.557</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.16.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.		

**4.16.3. Cổ tức**

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 là 10% trên vốn điều lệ.

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	118,27	124,87

**4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	135.375.630.377	124.114.218.610
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	6.502.468.413	3.811.907.920
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	4.816.544.444	4.804.417.173
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	2.443.674.751	1.805.457.420
Doanh thu cho thuê kho	1.200.000.000	1.200.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	-	503.400.852
<b>Cộng</b>	<b>150.338.317.985</b>	<b>136.239.401.975</b>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.25

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	81.388.062.017	76.942.582.531

**4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	129.348.836.454	111.349.499.891
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.193.147.919	4.316.736.173
<b>Cộng</b>	<b>133.541.984.373</b>	<b>115.666.236.064</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong kỳ.

**4.21. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.572.264.000	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	688	105.671
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.425
<b>Cộng</b>	<b>1.572.264.688</b>	<b>109.096</b>

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.727.640.202	3.476.633.090
Chi phí vật liệu quản lý	107.579.970	98.550.899
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.896.000	169.063.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	377.985.249	290.294.869
Thuế phí, lệ phí	1.375.594.853	1.284.138.611
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	140.067.232	(341.306.131)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	833.338.347	605.038.101
Chi phí khác bằng tiền	1.791.905.148	2.182.570.831
<b>Cộng</b>	<b>8.407.007.001</b>	<b>7.764.984.179</b>

**4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.257.368.431	9.201.488.923
Chi phí nhân công	27.410.916.597	22.296.549.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.164.066.725	11.112.935.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.184.667.241	78.978.981.787
Chi phí khác bằng tiền	1.931.972.380	1.841.264.700
<b>Cộng</b>	<b>141.948.991.374</b>	<b>123.431.220.243</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	10.454.703.300	16.183.927.979
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	162.000.000	138.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	10.616.703.300	16.321.927.979
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b><u>2.123.340.660</u></b>	<b><u>3.264.385.596</u></b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

**4.25. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty có cùng Công ty mẹ
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng Công ty mẹ
5. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng Công ty mẹ
6. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
7. Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty
8. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty
9. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	69.189.665.057	96.781.961.761
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.574.470.486	3.401.546.498
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	2.013.266.993	1.886.955.121
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	74.195.000	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>73.851.597.536</u></b>	<b><u>102.070.463.380</u></b>

**Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.5**

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	450.000.000	450.000.000
--	-------------	-------------



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(528.000.000)	(721.387.097)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(465.062.383)	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.9</b>	<b>(993.062.383)</b>	<b>(721.387.097)</b>
Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.13		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(6.562.483.200)	-
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	73.888.112.224	71.397.719.801
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	4.271.890.243	2.263.892.856
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	2.969.259.550	3.098.767.332
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	258.800.000	-
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	-	182.202.542
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.18</b>	<b>81.388.062.017</b>	<b>76.942.582.531</b>
Thuê tài sản:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	2.880.000.000	937.419.355
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	776.743.974	687.475.668
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	6.562.483.200	7.874.979.840

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	372.000.000	378.000.000
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	-
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01/05/2021)	151.544.000	227.316.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hồ Sỹ An	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>		<b>631.544.000</b>	<b>677.316.000</b>

**4.26. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	111.000.000	111.000.000

**4.27. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là dưới 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	586.427.040	1.307.273.496

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	486.763.232	258.000.000

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.


Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



  
**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

  
**Trần Thị Lý**  
**Kế toán trưởng**

  
**Võ Thị Ngọc Diễm**  
**Người lập**

